**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN**
**TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2018
V/v tranh chấp: " Ly hôn,
Về nuôi con khi ly hôn "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Thái Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng.

2. Ông Trương Đắc Hưng.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam*** *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Út H - Sinh năm 1985. ( có mặt )

Nơi cư trú: Khối phố V, phường Đ, thị xã Đ, Quảng Nam.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T – Sinh năm 1985. ( vắng mặt )

Nơi cư trú: Khối phố V, phường Đ, thị xã Đ , Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Út H trình bày:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Út H và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 12 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường Đ), thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã sinh được hai con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Vào năm 2011 bà H đã một lần làm đơn ly hôn và Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về chung sống nhưng đến nay quan hệ vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời khai của bà H là do vợ chồng không tin tưởng nhau, ông T thường uống rượu rồi ghen tuông vô cớ, không tôn trọng; có những lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của bà H.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Huỳnh Thị Út H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung.

- Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 23/7/2008.

- Nguyễn Thanh N – Sinh ngày 05/02/2014.

Hiện nay hai con đang ở với vợ chồng bà H. Nếu ly hôn bà H yêu cầu được nuôi hai con Nguyễn Thanh D; Nguyễn Thanh N và yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con đến khi Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động .

3. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu trên bà H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không có mặt tại phiên toà. Tại bản tự khai ngày 02/11/2017 ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà H là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng cũng có cải nhau vài lần. Nay bà Huỳnh Thị Út H yêu cầu ly hôn thì ông Nguyễn Thanh T không đồng ý vì ông T muốn các con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung. Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 23/7/2008. Nguyễn Thanh N – Sinh ngày 05/02/2014. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì ông Nguyễn Thanh T đồng ý giao hai con Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N cho bà Huỳnh Thị Út trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh T không có ý kiến gì khác.

Sau khi toà án thụ lý vụ án, đã tiến hành các thủ tục theo quy định của BLTTDS, triệu tập đương sự thì ông Nguyễn Thanh T chỉ đến Tòa án một lần làm bản tự khai. Sau đó, ông không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tống đạt giấy tờ hợp lệ. Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì xác định ông T vẫn đang sinh sống, làm việc, có hộ khẩu thường trú tại thôn V, phường Đ, thị xã Đ nhưng cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập cũng như các giấy tờ khác của Toà án gởi cho ông T.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập cũng như các quy định khác của pháp luật. VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28 của BLTTDS; các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Huỳnh Thị Út H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N cho bà Huỳnh Thị Út H thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Út H khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T, yêu cầu nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Út H và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2011 bà H đã một lần làm đơn ly hôn và Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về chung sống nhưng đến nay quan hệ vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H khai là do do vợ chồng không tin tưởng nhau, ông T thường uống rượu rồi ghen tuông vô cớ, không tôn trọng; có những lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của bà H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Huỳnh Thị Út H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Ông Nguyễn Thanh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng cũng có cải nhau vài lần. Nay bà Huỳnh Thị Út H yêu cầu ly hôn thì ông Nguyễn Thanh T không đồng ý vì ông T muốn các con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ.

HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài nhiều năm. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy ông Nguyễn Thanh T có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Không đến Tòa án trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật. Như vậy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 53,56,57 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Huỳnh Thị Út H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung.

- Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 23/7/2008.

- Nguyễn Thanh N – Sinh ngày 05/02/2014.

Hiện nay hai con đang ở với vợ chồng bà H và ông T. Bà H yêu cầu được nuôi hai con Nguyễn Thanh D; Nguyễn Thanh N và yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con đến khi Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh T cũng đồng ý với yêu cầu của H nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp. Ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ điều 147 của BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Út H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì *các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Huỳnh Thị Út H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung:

- Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 23/7/2008.

- Nguyễn Thanh N – Sinh ngày 05/02/2014.

Giao hai con Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N cho bà bà Huỳnh Thị Út H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con đến khi Nguyễn Thanh D và Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Út H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008638 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Huỳnh Thị Út H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***
- Toà án Tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- THADS thị xã;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Điền**